

Dự thảo 3

**LUẬT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT
THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ SỐ 53/2010/QH12**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự số 53/2010/QH12.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Thi hành án hình sự số 53/2010/QH12

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong thi hành bản án, quyết định về thi hành án phạt tù, thi hành án phạt tù cho hưởng án treo, tử hình, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, trực xuất, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, biện pháp tư pháp; thi hành bản án, quyết định về đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn và các biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại; quyền, nghĩa vụ của người, pháp nhân thương mại chấp hành án hình sự, biện pháp tư pháp; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thi hành án hình sự, biện pháp tư pháp.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. Bản án, quyết định về áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh, giáo dục tại trường giáo dưỡng; biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người chấp hành án là người bị kết tội và phải chịu hình phạt theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đã có quyết định thi hành án.

2. *Phạm nhân* là người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân. *Phạm nhân người nước ngoài là phạm nhân không có quốc tịch Việt Nam, bao gồm phạm nhân có quốc tịch nước ngoài và phạm nhân không có quốc tịch.*

3. *Thi hành án phạt tù* là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc người bị kết án phạt tù phải chịu sự quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo để họ trở thành người có ích cho xã hội.

4. *Thi hành án tử hình* là việc cơ quan có thẩm quyền tước bỏ quyền sống của người chấp hành án theo quy định của Luật này.

5. *Thi hành án treo* là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này giám sát, giáo dục người bị phạt tù được hưởng án treo trong thời gian thử thách.

6. *Thi hành Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện* là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời gian thử thách.

7. *Thi hành án phạt cải tạo không giam giữ* là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này giám sát, giáo dục người chấp hành án tại xã, phường, thị trấn và khẩu trừ một phần thu nhập sung quỹ nhà nước theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

8. *Thi hành án phạt cấm cư trú* là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc người chấp hành án không được tạm trú, thường trú ở một số địa phương nhất định theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

9. *Thi hành án phạt quản chế* là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc người chấp hành án phải cư trú, làm ăn sinh sống ở một địa phương nhất định dưới sự kiểm soát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

10. *Thi hành án phạt trục xuất* là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc người chấp hành án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

11. *Thi hành án phạt tước một số quyền công dân* là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này tước bỏ một hoặc một số quyền công dân của người chấp hành án theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

12. *Thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định* là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc người phải chấp hành án không được đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

13. *Thi hành biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh* là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hoặc người đang chấp hành án bị bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình phải điều trị tại cơ sở chữa bệnh bắt buộc theo bản án, quyết định của Tòa án, Viện kiểm sát.

14. *Thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng* là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này đưa người dưới 18 tuổi phạm tội nhưng không phải chịu hình phạt vào trường giáo dưỡng để giáo dục theo bản án, quyết định của Tòa án.

15. *Áp giải thi hành án* là việc buộc người chấp hành án phạt tù, tử hình, trục xuất đến nơi chấp hành án. Người áp giải được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

16. *Trích xuất* là việc thực hiện quyết định của người có thẩm quyền theo quy định của Luật này đưa phạm nhân, người bị kết án tử hình hoặc người chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng khỏi nơi quản lý và chuyển giao cho cơ quan, người có thẩm quyền để phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, khám, chữa bệnh, quản lý giam giữ, lao động, giáo dục, học tập trong thời hạn nhất định.

17. *Danh bản* là bản ghi thông tin tóm tắt về lý lịch, nhân dạng, ảnh chụp ba tư thế, in dấu vân tay hai ngón trỏ của người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp do cơ quan có thẩm quyền lập và lưu giữ.

18. *Chỉ bản* là bản ghi thông tin tóm tắt về lý lịch và in dấu vân tay tất cả các ngón của người chấp hành án do cơ quan có thẩm quyền lập và lưu giữ.

19. *Pháp nhân thương mại chấp hành án là pháp nhân thương mại phạm tội bị kết án và phải chấp hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.*

20. *Thi hành hình phạt đinh chỉ hoạt động có thời hạn đối với pháp nhân thương mại phạm tội là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc pháp nhân thương mại phạm tội tạm dừng hoạt động trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại đang hoạt động.*

21. *Thi hành hình phạt đinh chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với pháp nhân thương mại phạm tội là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc pháp nhân thương mại phạm tội chấm dứt hoạt động vĩnh viễn trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại*

đang hoạt động hoặc chấm dứt toàn bộ hoạt động của pháp nhân thương mại.

22. *Thi hành hình phạt cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định đối với pháp nhân thương mại phạm tội là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc pháp nhân thương mại phạm tội không được kinh doanh, hoạt động trong một số lĩnh vực.*

23. *Thi hành hình phạt cấm huy động vốn đối với pháp nhân thương mại phạm tội là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc pháp nhân thương mại phạm tội không được huy động vốn.*

24. *Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại là cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan trực tiếp đến hình phạt và biện pháp tư pháp mà pháp nhân thương mại phải chấp hành, được Tòa án giao thực hiện một số nhiệm vụ thi hành hình phạt và áp dụng biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại trong Quyết định thi hành án, Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp.”*

4. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 4, 5, 8 Điều 4 như sau:

“3. Bảo đảm nhân đạo xã hội chủ nghĩa; tôn trọng sức khỏe, nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án; *quyền, lợi ích hợp pháp của pháp nhân thương mại chấp hành án.*

4. Kết hợp trùng trị và giáo dục cải tạo trong việc thi hành án; áp dụng biện pháp giáo dục cải tạo phải trên cơ sở tính chất và mức độ phạm tội *của người và pháp nhân thương mại*; độ tuổi, giới tính, trình độ văn hoá và các đặc điểm nhân thân khác của người chấp hành án.

5. Thi hành án đối với *người dưới 18 tuổi phạm tội* chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người có ích cho xã hội.

8. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình vào việc quản lý, giám sát, giáo dục cải tạo người, *pháp nhân thương mại chấp hành án.”*

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Hợp tác quốc tế trong thi hành án hình sự

Hợp tác quốc tế trong thi hành án hình sự giữa cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với cơ quan có thẩm quyền tương ứng của nước ngoài được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trường hợp Việt Nam chưa ký kết hoặc chưa gia nhập điều ước có liên quan thì việc hợp tác quốc tế trong thi hành án

hình sự được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái với pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.”

6. Sửa đổi các khoản 7, khoản 9 và bổ sung khoản 11 Điều 9 như sau:

*“7. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị miễn, giảm, hoãn, tạm đình chỉ thời hạn chấp hành án, *tha tù trước thời hạn có điều kiện*, rút ngắn thời gian thử thách cho người không đủ điều kiện được miễn, giảm, hoãn, tạm đình chỉ, *tha tù trước thời hạn có điều kiện, rút ngắn thời gian thử thách*; không đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành án hình sự cho người người đủ điều kiện được miễn, giảm, hoãn, tạm đình chỉ, *tha tù trước thời hạn có điều kiện, rút ngắn thời gian thử thách*; cản trở người chấp hành án, thực hiện quyền được đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành án.*

9. Xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người, *pháp nhân thương mại* chấp hành án.

11. Nghiêm cấm hành vi tra tấn trong thi hành án hình sự.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự:

a) Trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, trại tạm giam cấp quân khu (sau đây gọi là trại tạm giam);

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã);

c) Đơn vị quân đội cấp trung đoàn và tương đương (sau đây gọi là đơn vị quân đội).

d) Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh

1. Giúp Giám đốc Công an cấp tỉnh quản lý, chỉ đạo công tác thi hành án hình sự trên địa bàn cấp tỉnh:

a) Chỉ đạo nghiệp vụ và kiểm tra công tác thi hành án hình sự đối với trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện;

b) Tổng kết công tác thi hành án hình sự và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

2. Tiếp nhận quyết định thi hành án hình sự của Tòa án có thẩm quyền; hoàn tất thủ tục, hồ sơ và danh sách người chấp hành án phạt tù để báo cáo, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định.

3. Đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, *tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với phạm nhân và rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định của pháp luật*.

4. Tổ chức tiếp nhận người bị kết án phạt tù do nước ngoài chuyển giao về Việt Nam chấp hành án theo quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, hoàn chỉnh hồ sơ thi hành án, báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự ra quyết định đưa đến nơi chấp hành án.

5. Tổ chức thi hành án trực xuất; tham gia thi hành án tử hình; quản lý số phạm nhân phục vụ việc tạm giam, tạm giữ theo quy định của Luật này.

6. Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực hoạt động của pháp nhân thương mại trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

7. Ra quyết định truy nã và phối hợp tổ chức lực lượng truy bắt phạm nhân bỏ trốn khỏi trại tạm giam hoặc cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người chấp hành án phạt trực xuất, *người chấp hành án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện bỏ trốn*.

8. Quyết định trích xuất hoặc thực hiện lệnh trích xuất theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

9. Cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt theo thẩm quyền.

10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án hình sự theo quy định của Luật này.

11. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 như sau:

“3. Đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định tạm đình chỉ việc chấp hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, *tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với phạm nhân, rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn theo quy định của pháp luật*.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 7 và bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau:

“2. Tiếp nhận bản án, quyết định thi hành án, các tài liệu có liên quan, lập hồ sơ thi hành án để chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã thi hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ,

cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân, quản chế và án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định của Luật này.

3. Đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho người bị kết án phạt tù đang tại ngoại theo quy định của pháp luật; lập hồ sơ và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện cho phạm nhân đang chấp hành án tại nhà tạm giữ, rút ngắn thời gian thử thách của án treo và tha tù trước thời hạn có điều kiện.

7. Lập hồ sơ và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để đề nghị cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra quyết định đưa người bị kết án phạt tù đang ở nhà tạm giữ, được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án, người bị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đi chấp hành án; đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người chấp hành án treo vi phạm nghĩa vụ phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo; đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định truy nã đối với người trốn thi hành án phạt tù.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của trại giam

1. Trại giam là cơ quan thi hành án phạt tù có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a) Tiếp nhận, tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân;
- b) Thông báo cho thân nhân của phạm nhân về việc tiếp nhận phạm nhân và tình hình chấp hành án của người đó;
- c) Đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét giảm thời hạn chấp hành án, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với phạm nhân theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện các thủ tục đề nghị đặc xá cho phạm nhân theo quy định của pháp luật;

đ) Áp giải, bàn giao phạm nhân là người nước ngoài có quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền chuyển giao về nước mà người đó là công dân để tiếp tục chấp hành bản án.

e) Thực hiện lệnh trích xuất của cơ quan, người có thẩm quyền;

g) Nhận tài sản, tiền mà phạm nhân, thân nhân của phạm nhân tự nguyện nộp tại trại giam để thi hành án, chuyển cho cơ quan thi hành án dân sự nơi Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có trụ sở; nhận tài sản, tiền do

cơ quan thi hành án dân sự chuyển đến để giao cho phạm nhân theo quy định của Luật Thi hành án dân sự;

h) Phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc cung cấp thông tin, chuyển giao giấy tờ có liên quan đến phạm nhân phải thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, các nghĩa vụ dân sự khác về nơi phạm nhân chấp hành án phạt tù, việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của phạm nhân, nơi về cư trú của người được đặc xá, người được miễn chấp hành án phạt tù, người chấp hành xong án phạt tù, phạm nhân chuyển nơi chấp hành án phạt tù hoặc chết;

i) Cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá;

k) Làm thủ tục giải quyết trường hợp phạm nhân chết theo quy định tại Điều 49 của Luật này;

l) Bàn giao phạm nhân là người nước ngoài theo quyết định của Tòa án về việc chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; tiếp nhận, tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân là công dân Việt Nam phạm tội và bị kết án phạt tù ở nước ngoài được chuyển giao về Việt Nam để chấp hành án; thực hiện các quy định của Luật này về thi hành án trực xuất;

m) Thực hiện thống kê, báo cáo về thi hành án phạt tù;

n) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Giám thị trại giam có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trại giam theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Ra quyết định phân loại và tổ chức giam giữ phạm nhân theo loại;

c) Quyết định kiểm tra, thu giữ, xử lý đồ vật, tài liệu thuộc danh mục cấm;

d) Ra quyết định trích xuất phạm nhân phục vụ yêu cầu khám, chữa bệnh, quản lý, lao động, học tập;

đ) Ra quyết định truy nã và phối hợp tổ chức lực lượng truy bắt kịp thời phạm nhân trốn trại giam.

3. Phó giám thị trại giam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Giám thị theo sự phân công hoặc ủy quyền của Giám thị và chịu trách nhiệm trong phạm vi công việc được giao.

4. Trại giam được tổ chức như sau:

a) Trại giam có phân trại, khu giam giữ, nhà giam, các công trình phục vụ việc quản lý giam giữ, phục vụ sinh hoạt, chăm sóc y tế, giáo dục

cải tạo, lao động, dạy nghề cho phạm nhân; các công trình phục vụ làm việc, sinh hoạt của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, viên chức công tác tại trại giam.

b) *Căn cứ yêu cầu thực tế của công tác giam giữ, quản lý và tổ chức lao động dạy nghề cho phạm nhân, trại giam tổ chức khu sản xuất, điểm lao động, dạy nghề ngoài trại giam. Việc tổ chức khu sản xuất, điểm lao động, dạy nghề ngoài trại giam do Bộ Công an quy định.*

c) Tổ chức bộ máy quản lý của trại giam gồm có Giám thị, Phó giám thị, Trưởng phân trại, Phó trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó đội trưởng; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan; chiến sĩ và công nhân, viên chức.

Giám thị, Phó giám thị, Trưởng phân trại, Phó trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó đội trưởng phải là người đã tốt nghiệp đại học cảnh sát, đại học an ninh, đại học luật trở lên và bảo đảm các tiêu chuẩn khác theo quy định của Chính phủ”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thi hành án hình sự

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân, *người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo và quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện*. Công an cấp xã tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị quân đội trong thi hành án hình sự

Đơn vị quân đội có nhiệm vụ, quyền hạn về giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân, *thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo và quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định của Luật này.”*

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong thi hành án hình sự

1. Ra quyết định thi hành án; quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình.

2. Ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành án phạt tù; miễn, giảm thời hạn chấp hành án; quyết định, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; kéo dài thời hạn trực xuất; rút ngắn thời gian thử thách đối với người chấp hành quyết định thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

3. Xem xét, giải quyết việc cho nhận tử thi của người bị thi hành án tử hình.

4. Gửi bản án, quyết định được thi hành và quyết định quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tài liệu có liên quan cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật này.

5. Ra quyết định tiếp nhận, chuyển giao và quyết định thi hành quyết định tiếp nhận, chuyển giao người bị kết án.

6. Thực hiện chế độ thông kê, báo cáo về thi hành án hình sự theo thẩm quyền và nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.”

15. Bổ sung khoản 5 Điều 22 như sau:

“5. Trong trường hợp người bị kết án phạt tù bỏ trốn thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định truy nã theo quy định của pháp luật.”

16. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 23 như sau:

“d) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hoãn thi hành án đang cư trú; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm gửi quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hoãn chấp hành án phạt tù cư trú để theo dõi, quản lý đối tượng này tại địa phương.”

17. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 6 và bổ sung khoản 7 Điều 24 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội có nhiệm vụ quản lý người được hoãn chấp hành án. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định người được hoãn chấp hành án phạt tù Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải triệu tập người được hoãn chấp hành án án phạt tù để cam kết chấp hành các quy định của pháp luật (trừ trường hợp người được hoãn chấp hành án phạt tù với lý do bị bệnh nặng) và lập hồ sơ, bàn giao người được hoãn chấp hành án cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc đơn vị quân đội đang quản lý người đó. Người được hoãn chấp hành án phạt tù phải trình diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc đơn vị quân đội có

nhiệm vụ quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù, không được đi khỏi nơi cư trú, nếu không được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội đang quản lý người đó.

6. Chậm nhất là 07 ngày trước khi hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù, Chánh án Toà án đã quyết định hoãn chấp hành án phạt tù phải thông báo bằng văn bản và gửi ngay thông báo đó cho người *được hoãn chấp hành án*, cơ quan được quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này.

7. *Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chủ trì phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết điều này*

18. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 26 như sau:

“1. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện được chỉ định thi hành án phải tiếp nhận người chấp hành án phạt tù khi có đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật này; việc tiếp nhận phải được lập biên bản. Cơ quan tiếp nhận phải tổ chức khám sức khoẻ ngay cho người chấp hành án phạt tù để lập hồ sơ sức khoẻ phạm nhân.

b) Không được sử dụng tiền mặt, giấy tờ có giá, *các loại thẻ thanh toán bằng hình thức điện tử, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý* tại nơi chấp hành án. Việc phạm nhân mua lương thực, thực phẩm và các hàng hóa khác để phục vụ đời sống, sinh hoạt tại nơi chấp hành án được thực hiện bằng hình thức ký số;”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Quản lý, giam giữ phạm nhân

1. Trại giam tổ chức giam giữ phạm nhân như sau:

a) Khu giam giữ đối với phạm nhân có mức án tù trên 15 năm, tù chung thân, phạm nhân thuộc loại tái phạm nguy hiểm;

b) Khu giam giữ đối với phạm nhân có mức án tù từ 15 năm trở xuống; phạm nhân có mức án tù trên 15 năm nhưng có kết quả chấp hành án khá, tốt, đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù còn dưới 15 năm.

2. Trong các khu giam giữ quy định tại khoản 1 Điều này, những phạm nhân dưới đây được bố trí giam giữ riêng:

a) Phạm nhân nữ;

b) Phạm nhân là người dưới 18 tuổi; phạm nhân trên 15 năm đã chấp hành án mà thời gian còn lại dưới 15 năm;

c) Phạm nhân là người nước ngoài;

- d) Phạm nhân là người đồng tính, người chuyển đổi giới tính;
- đ) Phạm nhân là người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A;
- e) Phạm nhân có dấu hiệu bị bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình trong thời gian chờ quyết định của Tòa án;
- g) Phạm nhân thường xuyên vi phạm nội quy trại giam;
- h) Phạm nhân có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại; phạm nhân từ 70 tuổi trở lên.

3. Trong trại tạm giam, nhà tạm giữ những phạm nhân quy định tại điểm a, d và e khoản 2 Điều này được bố trí giam giữ riêng.

4. Trong trường hợp đặc biệt, do điều kiện thực tế mà trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ không thể đáp ứng yêu cầu giam giữ riêng hoặc để bảo đảm an toàn cho phạm nhân thì Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu và tương đương có thể quyết định bằng văn bản việc giam giữ chung người từ đủ 18 tuổi trở lên, người dưới 18 tuổi và người nước ngoài. Quyết định, danh sách phạm nhân giam giữ chung phải được gửi đến Viện kiểm sát có thẩm quyền.

5. Phạm nhân được chia thành các đội, tổ để lao động, học tập và sinh hoạt. Căn cứ vào tính chất của tội phạm, mức hình phạt, đặc điểm nhân thân của phạm nhân, kết quả chấp hành án, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam quyết định việc phân loại, chuyển khu giam giữ.”

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 như sau:

“1. Phạm nhân được phổ biến pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hoá, học nghề. Phạm nhân chưa biết chữ được học văn hoá để xoá mù chữ. Phạm nhân là người nước ngoài được khuyến khích học tiếng Việt. Thời gian học tập mỗi tuần 02 buổi, mỗi buổi 04 giờ và được nghỉ ngày chủ nhật, lễ, tết theo quy định của pháp luật. Căn cứ yêu cầu quản lý, giáo dục cải tạo phạm nhân và thời hạn chấp hành án, trại giam, trại tạm giam tổ chức dạy học cho phạm nhân; tùy điều kiện thực tế, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tổ chức dạy học cho phạm nhân. Chương trình, nội dung học tập, học nghề của phạm nhân do Chính phủ quy định. Chương trình, nội dung học tập, học nghề của phạm nhân do Chính phủ quy định.

PA 2 : Chương trình nội dung học tập, học nghề của phạm nhân do Bộ trưởng Bộ Công an quy định trên cơ sở thống nhất với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Quốc phòng.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Chế độ lao động của phạm nhân”

1. Phạm nhân được tổ chức lao động phù hợp với độ tuổi, sức khỏe và đáp ứng yêu cầu quản lý, giáo dục, hòa nhập cộng đồng; được nghỉ lao động các ngày thứ bảy, ngày chủ nhật, lễ, Tết theo quy định của pháp luật. Thời gian phạm nhân lao động không quá 08 giờ trong 01 ngày. Trường hợp đột xuất hoặc thời vụ để đảm bảo ngày công lao động học nghề, Giám thị trại giam có thể yêu cầu phạm nhân lao động học nghề vào thứ Bảy hoặc làm thêm giờ nhưng không được quá 02 giờ trong 01 ngày. Trường hợp phạm nhân lao động thêm giờ hoặc lao động trong ngày thứ bảy, chủ nhật thì được nghỉ bù và bồi dưỡng bằng hiện vật.

Đối với công việc nặng nhọc, độc hại theo danh mục pháp luật về lao động quy định thì thời gian phạm nhân lao động trong một ngày không quá 06 giờ. Không bố trí công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do pháp luật quy định đối với phạm nhân nam từ 60 tuổi trở lên, phạm nhân là người dưới 18 tuổi.

2. Phạm nhân nữ được bố trí làm những công việc phù hợp với giới tính, sức khỏe và độ tuổi; không làm công việc nặng nhọc, độc hại thuộc danh mục không sử dụng lao động nữ.

3. Phạm nhân mắc bệnh hoặc có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì tùy mức độ, tính chất của bệnh tật và trên cơ sở chỉ định của y tế trại giam, trại tạm giam được miễn hoặc giảm thời gian lao động.

4. Phạm nhân bị tai nạn lao động, bị mắc bệnh nghề nghiệp trong quá trình lao động được hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

5. Phạm nhân được nghỉ lao động trong các trường hợp sau:

a) Phạm nhân nữ có thai được nghỉ lao động trước và sau khi sinh con theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Phạm nhân trên 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ; phạm nhân bị bệnh không đủ sức khỏe để lao động và được y tế trại giam, trại tạm giam xác nhận;

c) Phạm nhân đang điều trị tại trạm xá, bệnh xá hoặc bệnh viện;

d) Phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi đang ở cùng mẹ trong trại giam mà bị bệnh, được y tế của trại giam, trại tạm giam xác nhận;

d) Phạm nhân đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật.

6. Chính phủ quy định chi tiết về chế độ lao động và việc tổ chức lao động cho phạm nhân."

22. Bổ sung khoản 4 Điều 30 như sau:

"4. Chính phủ quy định chi tiết về việc sử dụng kết quả lao động của phạm nhân."

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 5 Điều 31 như sau:

"3. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án phải xem xét, quyết định.

5. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, thời hạn, trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù."

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 32 như sau:

"3. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi trực tiếp quản lý người được tạm đình chỉ tổ chức giao người được tạm đình chỉ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó; thân nhân của người được tạm đình chỉ có nghĩa vụ tiếp nhận người được tạm đình chỉ. Trường hợp người được tạm đình chỉ bị bệnh nặng đang phải điều trị tại bệnh viện thì trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có thể bàn giao cho thân nhân người được tạm đình chỉ tại bệnh viện, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó và tổ chức đưa người được tạm đình chỉ về Ủy ban nhân dân cấp xã người đó cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó.

Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được tạm đình chỉ có trách nhiệm theo dõi, giám sát người được tạm đình chỉ, xem xét, giải quyết cho người đó được đi khỏi nơi cư trú, làm việc; hàng tháng phải báo cáo với việc quản lý người được tạm đình chỉ với Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

4. Việc tiếp tục thi hành án đối với người được tạm đình chỉ thực hiện như sau:

b) Đối với người được tạm đình chỉ do bị bệnh nặng và khó xác định tình trạng sức khỏe của người đó thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi người được tạm đình chỉ về cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đơn vị được giao quản lý người đó có trách nhiệm trưng cầu giám định y khoa cấp tỉnh, cấp quân khu hoặc giám định pháp y về tình trạng sức khỏe thi hành án. Trường hợp kết quả giám định xác định sức khỏe người được tạm đình chỉ đã phục hồi thì cơ quan thi hành án hình sự

Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thực hiện việc đưa người đó đến nơi chấp hành án và thông báo cho Chánh án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ; trường hợp kết quả giám định hoặc có bệnh án xác định sức khỏe họ chưa phục hồi thì Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi họ cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đơn vị được giao quản lý người đó thông báo bằng văn bản cho Chánh án tòa án đã ra Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù xem xét, quyết định cho họ tiếp tục được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù."

25. Bổ sung khoản 2, khoản 5 và khoản 6 Điều 33 như sau:

"2. Cơ quan có thẩm quyền đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù có trách nhiệm lập hồ sơ và chuyển cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị gồm có:

- a) Trích lục bản sao bản án; trường hợp xét giảm án từ lần hai thì bản sao bản án được thay bằng bản sao quyết định thi hành án;
- b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù;
- c) Quyết định khen thưởng hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc phạm nhân lập công;
- d) Kết luận của bệnh viện cấp tỉnh, bệnh viện cấp quân khu trở lên về tình trạng bệnh tật đối với trường hợp phạm nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

5. Trong thời gian quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật mà phạm nhân được giảm thời hạn chấp hành án có vi phạm Nội quy trại giam phải xử lý kỷ luật hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, thì cơ quan đã đề nghị giảm thời hạn chấp hành án có văn bản đề nghị Tòa án hủy bỏ quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này."

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và bổ sung khoản 9 Điều 35 như sau:

"5. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, bàn giao, lập biên bản giao nhận phạm nhân được trích xuất *cùng với hồ sơ trích xuất, tài sản của phạm nhân* và ghi sổ theo dõi trích xuất. Thời gian trích xuất được tính vào thời hạn chấp hành án phạt tù, trừ trường hợp phạm nhân đó bỏ trốn trong thời gian được trích xuất. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi cơ quan, người tiến hành tố tụng có yêu cầu trích xuất có nhiệm vụ tiếp nhận, áp giải

và quản lý phạm nhân và hồ sơ phạm nhân được trích xuất trong thời gian
trích xuất.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36 như sau:

“1. Trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân chấp hành tốt
nội quy trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ có thành tích trong lao động,
học tập, rèn luyện hoặc lập công thì được khen thưởng theo một trong
những hình thức sau:

a) Biểu dương;

b) Thưởng tiền hoặc hiện vật;

c) Tặng số lần được liên lạc bằng điện thoại, số lần gặp thân nhân, số
lần và số lượng quà được nhận.”

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 như sau:

“1. Khi phạm nhân bỏ trốn, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành
án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp
huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải tổ chức truy bắt ngay
và báo cáo về cơ quan quản lý thi hành án hình sự. Trong thời hạn 24 giờ
kể từ khi phát hiện phạm nhân bỏ trốn mà việc truy bắt không có kết quả
thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc
phòng, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ
trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải ra quyết định truy nã
và phối hợp tổ chức truy bắt.

Mọi trường hợp phạm nhân bỏ trốn đều phải được lập biên bản, áp
dụng các biện pháp ngăn chặn, điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật
tố tụng hình sự.”

29. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4
Điều 38 như sau:

“1. Trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân vi phạm nội
quy, trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ hoặc có hành vi vi phạm pháp
luật thì bị kỷ luật bằng một trong những hình thức sau:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Giam tại buồng kỷ luật đến 10 ngày.

Trong thời gian bị giam tại buồng kỷ luật hoặc bị giam tại buồng
giam riêng do vi phạm kỷ luật nhiều lần, phạm nhân không được gặp hoặc
liên lạc điện thoại với thân nhân, không được nhận thư, tiền, đồ vật do thân

nhân gửi và có thể bị cùm chân. Không áp dụng cùm chân đối với phạm nhân nữ, phạm nhân là người dưới 18 tuổi, phạm nhân là người từ đủ 70 tuổi trở lên, phạm nhân ốm yếu. Trong thời gian này, phạm nhân bị hạn chế số lần được gặp, liên lạc điện thoại với thân nhân, nhận thư, tiền, đồ vật do thân nhân gửi; Giám thị quyết định những đồ dùng phạm nhân được mang vào buồng kỷ luật, buồng giam riêng.

2. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quyết định kỷ luật phạm nhân bằng văn bản và lưu hồ sơ. Phạm nhân bị kỷ luật thì tùy theo hình thức xử lý để xếp loại chấp hành án phạt tù.

3. Trường hợp hành vi vi phạm của phạm nhân có dấu hiệu của tội phạm thuộc quyền hạn điều tra của Giám thị trại giam thì Giám thị trại giam ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật; trường hợp không thuộc quyền hạn điều tra của mình thì phải thông báo cho cơ quan điều tra có thẩm quyền.

4. Trường hợp hành vi vi phạm của phạm nhân đang giam giữ tại trại tạm giam, nhà tạm giữ thuộc cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có dấu hiệu của tội phạm thì Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đề nghị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật."

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 39 như sau:

"1. Trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm định kỳ 06 tháng một lần thông báo tình hình chấp hành án của phạm nhân cho thân nhân của họ; trường hợp phạm nhân vi phạm Nội quy trại giam bị xử lý với hình thức bị phạt giam tại buồng kỷ luật hoặc tại buồng giam riêng thì cần phải thông báo cho thân nhân phạm nhân biết để phối hợp giáo dục.

31. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 41 như sau:

"a) Khi có quyết định thi hành quyết định tiếp nhận chuyển giao đối với người đang chấp hành án phạt tù được chuyển giao từ nước ngoài về Việt Nam để chấp hành án, Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp tổ chức tiếp nhận và bàn giao người bị kết án cho trại giam theo quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an;

2. Thi hành quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài:

a) Khi nhận được quyết định thi hành quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài, trại giam có trách nhiệm bàn giao phạm nhân cho *Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp*. Việc bàn giao phải được lập biên bản, lưu hồ sơ;

b) *Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp* có nhiệm vụ áp giải người được chuyển giao đến địa điểm và vào thời gian do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước yêu cầu chuyển giao thỏa thuận trước bằng văn bản.”

32. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bổ sung khoản 5 Điều 42 như sau:

“1. Phạm nhân được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, đường, muối, nước mắm, bột ngọt, chất đốt. Đối với phạm nhân lao động nặng nhọc, độc hại theo quy định của pháp luật, thì định lượng ăn được tăng thêm *nhưng không quá 02 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường*. Ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật, phạm nhân được ăn thêm nhưng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

Căn cứ yêu cầu bảo đảm sức khỏe của phạm nhân trong quá trình giam giữ, lao động, học tập tại nơi chấp hành án. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có thể quyết định hoán đổi định lượng ăn cho phù hợp với thực tế để bảo đảm cho phạm nhân ăn hết tiêu chuẩn.

5. *Chính phủ quy định chi tiết Điều này.*”

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Điều 44. Chế độ hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ và sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của phạm nhân

1. Phạm nhân được hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình phù hợp với điều kiện của nơi chấp hành án.

Mỗi phân trại của trại giam được thành lập thư viện, khu vui chơi, sân thể thao, được trang bị một hệ thống truyền thanh, mỗi buồng giam tập thể được trang bị *một ti vi màu theo quy định*.

2. Thời gian hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình của phạm nhân được thực hiện theo *nội quy trại giam do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định*.

3. *Phạm nhân theo tôn giáo được sử dụng kinh sách tại thư viện của phân trại giam, được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của Chính phủ và phù hợp với điều kiện quản lý, giam giữ, giáo dục cải*

tạo. Phạm nhân không được thể hiện các nghi thức tôn giáo tại nơi giam giữ.”

34. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 45 như sau:

“1. Phạm nhân nữ có thai nếu không được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì được bố trí nơi giam hợp lý, được khám thai định kỳ hoặc đột xuất, được chăm sóc y tế trong trường hợp cần thiết; được giảm thời gian lao động, được hưởng chế độ ăn, uống bảo đảm sức khoẻ.”

35. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau:

“Điều 46. Chế độ gặp thân nhân, nhận tiền, đồ vật của phạm nhân

1. Phạm nhân được gặp thân nhân một lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 01 giờ, trường hợp đặc biệt thì được kéo dài thời gian nhưng không quá 03 giờ. Phạm nhân được khen thưởng thì được gặp thân nhân thêm một lần trong 01 tháng. Phạm nhân lập công hoặc có quá trình cải tạo được xếp loại từ khá trở lên và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy trại giam hoặc lập công thì được gặp vợ hoặc chồng ở phòng riêng không quá 24 giờ. Trường hợp đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác có đề nghị được gặp phạm nhân thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét, giải quyết.

Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện bố trí nơi phạm nhân gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Khi gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác, phạm nhân được nhận thư, tiền mặt, đồ vật, trừ đồ vật thuộc danh mục cấm. Đối với tiền mặt, phạm nhân phải gửi trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quản lý. *Phạm nhân được sử dụng quà, tiền của mình để ăn thêm nhưng không vượt quá 03 lần định lượng ăn trong một tháng cho mỗi phạm nhân.* Việc quản lý, sử dụng đồ vật, tiền mặt của phạm nhân được thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 26 của Luật này.

3. Phạm nhân được nhận tiền mặt, đồ vật do thân nhân gửi không quá hai lần trong 01 tháng và đồ vật không quá 05kg/lần, ngoài trường hợp đã nhận theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận tiền mặt, đồ vật mà thân nhân của phạm nhân gửi cho phạm nhân và bóc mở, kiểm tra và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Thân nhân của phạm nhân đến gặp phạm nhân phải mang theo sổ thăm gặp hoặc đơn xin gặp có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã (đối với thăm gặp lần đầu) nơi người đó cư trú hoặc của cơ

quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải phổ biến cho thân nhân của phạm nhân về quy định thăm gặp phạm nhân. Thân nhân của phạm nhân phải chấp hành các quy định này.

5. Khi tổ chức Hội nghị gia đình phạm nhân hoặc trường hợp đặc biệt, do yêu cầu của công tác giáo dục, cần có sự phối hợp, tác động của gia đình để giáo dục phạm nhân hoặc những phạm nhân có 02 (hai) quý liền kề ở thời điểm xét duyệt được xếp loại Tốt hoặc lạm công thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có thể xem xét, quyết định cho phạm nhân ăn cùng thân nhân. Việc tổ chức cho phạm nhân ăn cùng thân nhân phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm tuyệt đối an toàn cơ sở giam giữ, quản lý chặt chẽ phạm nhân, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn cho thân nhân phạm nhân.

6. Thủ tục thăm gặp phạm nhân là người nước ngoài:

a) Thân nhân của phạm nhân là người nước ngoài phải có đơn gửi cơ quan quản lý thi hành án hình sự. Đơn phải dịch ra tiếng Việt, có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước mà người đó mang quốc tịch hoặc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam nơi người đó làm việc. Trường hợp thân nhân của phạm nhân là người Việt Nam thì đơn phải có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đơn, cơ quan quản lý thi hành án hình sự có trách nhiệm trả lời người có đơn; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng thời hạn trả lời không quá 30 ngày.

7. Các trường hợp thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự đối với phạm nhân là người nước ngoài thực hiện theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

8. Chính phủ quy định chi tiết việc thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự đối với phạm nhân là người nước ngoài. Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư; nhận tiền, quà và liên lạc điện thoại với thân nhân; về đồ vật cấm đưa vào trại giam và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm."

36. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 và bổ sung khoản 6 Điều 48 như sau:

"2. Phạm nhân bị ốm, bị thương tích thì được khám, chữa bệnh và điều trị tại cơ sở y tế của trại giam, trại tạm giam hoặc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp huyện. Trường hợp phạm nhân bị bệnh nặng hoặc thương tích vượt quá khả năng điều trị của các cơ sở chữa bệnh đó

thì được chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp tỉnh, bệnh viện quân đội hoặc bệnh viện trung ương để điều trị; trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải thông báo cho thân nhân hoặc đại diện hợp pháp của người đó biết để phối hợp chăm sóc, điều trị. Chế độ ăn, cấp phát thuốc, bồi dưỡng do cơ sở chữa bệnh chỉ định.

Trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp tỉnh, bệnh viện quân đội xây dựng hoặc bố trí một số buồng riêng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để điều trị cho phạm nhân.

Trẻ em dưới 36 tháng tuổi hoặc trên 36 tháng tuổi đang ở cùng mẹ trong trại giam được hưởng chế độ chăm sóc y tế, khám chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

3. Đối với phạm nhân nghi mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đề nghị Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án quân sự quân khu nơi phạm nhân chấp hành án phạt tù trung cầu giám định pháp y tâm thần. Khi có kết luận giám định là người đó mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình thì Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Toà án quân sự quân khu nơi phạm nhân chấp hành án ra quyết định đưa người đó vào cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để bắt buộc chữa bệnh. Thời gian bắt buộc chữa bệnh được tính vào thời hạn chấp hành án phạt tù.

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý phạm nhân thuộc đối tượng bắt buộc chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của mình.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

37. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

“Điều 51. Chế độ quản lý, giáo dục, học văn hóa, học nghề, lao động

1. Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được giam giữ theo chế độ riêng phù hợp với sức khoẻ, giới tính và đặc điểm nhân thân.

2. Trại giam có trách nhiệm giáo dục phạm nhân là người dưới 18 tuổi về văn hóa, pháp luật và dạy nghề phù hợp với độ tuổi, trình độ văn hóa, giới tính và sức khoẻ, chuẩn bị điều kiện để họ hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong án phạt tù. Thực hiện bắt buộc học chương trình tiểu học và học nghề.

3. Phạm nhân là người *dưới 18 tuổi* được lao động ở khu vực riêng và phù hợp với độ tuổi; không phải làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.”

38. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

“Điều 52. Chế độ ăn, mặc, chăm sóc y tế, khám chữa bệnh, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ và vui chơi giải trí

1. Phạm nhân là người *dưới 18 tuổi* được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng ăn và được *chăm sóc y tế, khám bệnh, chữa bệnh* như phạm nhân là người trên 18 tuổi và được tăng thêm về thịt, cá nhưng không quá 20% so với định lượng.

2. Ngoài tiêu chuẩn mặc và tư trang như phạm nhân là người *trên 18 tuổi*, mỗi năm phạm nhân là người *dưới 18 tuổi* được cấp thêm quần áo theo mẫu thống nhất và đồ dùng cá nhân khác theo quy định của Chính phủ.

3. Thời gian và hình thức tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, nghe đài, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hình thức vui chơi giải trí khác phù hợp với đặc điểm của người *dưới 18 tuổi*.”

39. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 như sau:

“Điều 55. Quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình

1. Ngay khi có quyết định thi hành án tử hình, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án có văn bản yêu cầu Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu cử đại diện tham gia Hội đồng thi hành án tử hình. *Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải có văn bản cử đại diện tham gia Hội đồng thi hành án tử hình.*

2. Trong thời hạn *03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản cử đại diện tham gia Hội đồng thi hành án tử hình của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này*, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình do Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án làm Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình. Quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định, họ tên, chức vụ của người ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ của người tham gia Hội đồng.”

40. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 58 như sau:

“a) Người bị kết án thuộc trường hợp quy định tại Điều 40 của Bộ luật hình sự;”

3. Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp hoặc Cảnh vệ tư pháp áp giải, bàn giao người được hoãn thi hành án tử hình cho trại tạm giam để tiếp tục quản lý giam giữ người đó. Việc giao nhận người được hoãn thi hành án tử hình phải được lập thành biên bản.”

41. Sửa đổi, bổ sung Điều 60 như sau:

“Điều 60. Giải quyết việc xin nhận tử thi, tro cốt và hài cốt của người bị thi hành án tử hình

1. Việc giải quyết nhận tử thi được thực hiện như sau:

a) Trước khi thi hành án tử hình, thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp của người chấp hành án được làm đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú gửi Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm đề nghị giải quyết cho nhận tử thi, tro cốt của người bị thi hành án tử hình để an táng; trường hợp người bị thi hành án tử hình là người nước ngoài thì đơn phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam của nước mà người chấp hành án mang quốc tịch và phải được dịch ra tiếng Việt. Đơn phải ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận tử thi, tro cốt quan hệ với người chấp hành án; cam kết bảo đảm yêu cầu về an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường và tự chịu chi phí;

b) Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm thông báo bằng văn bản hoặc bằng điện tín ngay sau khi ra quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình cho người có đơn đề nghị về việc cho nhận tử thi, tro cốt hoặc không cho nhận tử thi, tro cốt khi có căn cứ cho rằng việc nhận tử thi, tro cốt ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường. Trường hợp người bị thi hành án là người nước ngoài, thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bộ Ngoại giao Việt Nam để thông báo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam của nước mà người đó mang quốc tịch;

c) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm thông báo cho người có đơn đề nghị ngay sau khi thi hành án để đến nhận tử thi, tro cốt về an táng. Việc giao nhận tử thi, tro cốt phải được thực hiện trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông báo và phải lập biên bản, có chữ ký của các bên giao, nhận, nơi giao nhận tử thi, tro cốt do Hội đồng thi hành án tử hình quyết định; hết thời hạn này mà người có đơn đề nghị không đến nhận tử thi, tro cốt thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm an táng.

2. Trường hợp không được nhận tử thi, *tro cốt* hoặc thân nhân của người bị thi hành án không có đơn đề nghị được nhận tử thi, *tro cốt* về an táng thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tổ chức việc an táng. Sau 03 năm kể từ ngày thi hành án, thân nhân hoặc đại diện hợp pháp của người đã bị thi hành án được làm đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú đề nghị Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đã thi hành án cho nhận hài cốt. Đơn đề nghị phải ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận hài cốt, quan hệ với người bị thi hành án; cam kết bảo đảm yêu cầu về an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường và tự chịu chi phí. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đơn, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm xem xét, giải quyết.

Trường hợp người bị thi hành án là người nước ngoài thì đơn đề nghị phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam của nước mà người bị thi hành án mang quốc tịch và phải được dịch ra tiếng Việt. Việc giải quyết cho nhận hài cốt do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh xem xét, quyết định.”

42. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 62 như sau:

“1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có nhiệm vụ triệu tập người được hưởng án treo, người đại diện hợp pháp của người được hưởng án treo là người dưới 18 tuổi đến trụ sở cơ quan thi hành án để án định thời gian người được hưởng án treo phải có mặt tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, đơn vị quân đội nơi người đó làm việc và cam kết việc chấp hành án, lập hồ sơ thi hành án. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản án đã có hiệu lực pháp luật;
- b) Quyết định thi hành án treo;
- c) Cam kết của người được hưởng án treo. Đối với người được hưởng án treo là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì bản cam kết của người đó phải có sự xác nhận của người đại diện hợp pháp;
- d) Tài liệu khác có liên quan đến việc thi hành án.”

43. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 63 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức giám sát, giáo dục người được hưởng án treo;

b) Phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục người được hưởng án treo;

c) Yêu cầu người được hưởng án treo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

d) Biểu dương người được hưởng án treo có nhiều tiến bộ hoặc lập công;

d) Giải quyết cho người được hưởng án treo được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú;

e) Phối hợp với gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người được hưởng án treo làm việc, học tập trong việc giám sát, giáo dục người đó;

g) Lập hồ sơ đề nghị xem xét việc rút ngắn thời gian thử thách gửi cơ quan có thẩm quyền đề nghị quy định tại khoản 1 Điều 66 của Luật này;

h) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục để nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo trong trường hợp người hưởng án treo có ý vi phạm 02 lần nghĩa vụ quy định tại Điều 64 Luật này.

i) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh ra quyết định truy nã người chấp hành án treo bỏ trốn.

k) Nhận xét bằng văn bản và lưu vào sổ theo dõi về quá trình chấp hành án của người được hưởng án treo khi người đó chuyển đi nơi khác;

l) Thực hiện thống kê, báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả thi hành án;

m) Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với người được hưởng án treo theo quy định của pháp luật;

n) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án treo theo quy định của Luật này.

2. Trưởng Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k và 1 khoản 1 Điều này.

44. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 như sau:

“Điều 64. Nghĩa vụ của người chấp hành án án treo trong thời gian thử thách

1. Sau khi được hưởng án treo phải trình diện ngay Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã nơi cư trú và đăng ký tạm trú, thường trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Chịu sự giám sát, giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp khu vực cư trú, làm việc và người được phân công giám sát, giáo dục.

3. Chấp hành quy định tại các Điều 68a và Điều 69 của Luật này.

4. Phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp khu vực.

5. Hàng tháng phải báo cáo bằng văn bản với người được phân công giám sát, giáo dục về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình.

45. Sửa đổi, bổ sung Điều 69 như sau:

“Điều 69. Giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc

1. Khi người chấp hành án treo có nguyện vọng thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án treo hướng dẫn họ làm đơn gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú). Sau khi nhận được đơn của người chấp hành án treo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phối hợp với các đơn vị có liên quan để kiểm tra, xác minh nếu thấy việc thay đổi nơi cư trú không ảnh hưởng đến việc thi hành án, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự nơi đến thì giải quyết cho người chấp hành án treo thay đổi nơi cư trú.

2. Thẩm quyền giải quyết cho thay đổi nơi cư trú đối với người được hưởng án treo được thực hiện như sau:

a) Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

b) Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án

hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

2. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc trong phạm vi quân khu thì đơn vị quân đội có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án cho đơn vị quân đội nơi người được hưởng án treo đến làm việc để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc ngoài phạm vi quân khu thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp nơi người được hưởng án treo đến làm việc để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án quân sự khu vực và Viện kiểm sát quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo đến làm việc.

Trường hợp người được hưởng án treo không tiếp tục làm việc trong quân đội thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này.”

46. Bổ sung khoản 4 Điều 73 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.”

47. Bổ sung khoản 5 Điều 76 như sau:

“5. Người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thì phải thực hiện một số công việc phục vụ lao động cộng đồng theo sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã dưới sự giám sát của người được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ.”

48. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 81 như sau:

“2. Bồi thường thiệt hại và thực hiện các nghĩa vụ dân sự khác do người chấp hành án là người dưới 18 tuổi gây ra theo bản án, quyết định của Tòa án.”

49. Bổ sung khoản 4 Điều 86 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

50. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 89 như sau:

“1. Hai tháng trước khi hết hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân có hình phạt bổ sung là quản chế, Giám thị trại giam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú để chấp hành án quản chế và *báo cáo bằng văn bản cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự để điều chuyển phạm nhân đó về chấp hành án tại trại giam gần nơi phạm nhân cư trú sau khi chấp hành xong án phạt tù.*”

51. Bổ sung khoản 4 Điều 95 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”

52. Sửa đổi, bổ sung Điều 104 như sau:

“Điều 104. Tước quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước”

Trong thời gian bị tước quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước, người chấp hành án không được tham gia ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước”

53. Sửa đổi, bổ sung Điều 113 như sau:

“Điều 113. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thi hành biện pháp tư pháp

1. Bệnh viện tâm thần có nhiệm vụ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

2. Trường giáo dưỡng có nhiệm vụ thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.”

54. Sửa đổi, bổ sung Điều 141 như sau:

“Điều 141. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong kiểm sát thi hành án hình sự”

Khi thực hiện kiểm sát thi hành án hình sự, Viện kiểm sát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Yêu cầu Tòa án ra quyết định thi hành án hình sự; yêu cầu Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát nhân dân; cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến thi hành án hình sự;

2. Trực tiếp kiểm sát việc thi hành án hình sự; kiểm sát hồ sơ thi hành án hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp kiểm sát việc thi hành án phạt tù của trại giam đóng tại địa phương;

3. Quyết định trả tự do ngay cho người đang chấp hành án phạt tù không có căn cứ và trái pháp luật;

4. Đề nghị miễn, hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án; tham gia việc xét giảm, miễn thời hạn chấp hành án, tha tù trước thời hạn có điều kiện, chấp hành biện pháp tư pháp, rút ngắn thời gian thử thách;

5. Kháng nghị hành vi, quyết định có vi phạm pháp luật của cơ quan người có thẩm quyền trong việc thi hành án hình sự;

6. Kiến nghị, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chấm dứt, khắc phục vi phạm pháp luật trong thi hành án hình sự; xử lý nghiêm minh người vi phạm;

7. Khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm trong thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật;

8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.”

55. Sửa đổi, bổ sung Điều 143 như sau:

“Điều 143. Giải quyết kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu, thi hành quyết định của Viện kiểm sát về thi hành án hình sự

1. Đối với yêu cầu ra quyết định thi hành án hình sự đúng quy định của pháp luật, yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu phải thực hiện ngay.

2. Đối với yêu cầu tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát nhân dân thì Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự phải thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu

3. Đối với kiến nghị, kháng nghị, quyết định, yêu cầu khác của Viện kiểm sát nhân dân trong việc thi hành án hình sự thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết, trả lời hoặc thi hành theo quy định của Luật này.”

56. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 150 như sau:

“1. Người chấp hành án hình sự, pháp nhân thương mại chấp hành án hình sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền thi hành án hình sự nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.”

57. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 175 như sau:

2. Chỉ đạo cơ quan thi hành án dân sự chủ trì, phối hợp với trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi

hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu trong việc cung cấp thông tin, chuyển giao giấy tờ, tiền, tài sản có liên quan đến phạm nhân là người phải thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, các nghĩa vụ dân sự khác hoặc được thi hành án dân sự.”

58. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 179 như sau:

“1. Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp dưới trong thi hành các án phạt cải tạo không giam giữ, các hình phạt bổ sung, án treo, giám sát, giáo dục người được tạm tha tù trước thời hạn có điều kiện, thi hành một số hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”

59. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 180 như sau:

“1. Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp dưới trong thi hành các án phạt cải tạo không giam giữ, các hình phạt bổ sung, án treo, giám sát, giáo dục người được tạm tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”

60. Sửa đổi, bổ sung Điều 181 như sau:

Điều 181. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng ... năm 2018 và thay thế Luật thi hành án hình sự số 53/2010/QH12 ngày 17/6/2010.

61. Sửa đổi, bổ sung Điều 182 như sau:

“Điều 182. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.

62. Bãi bỏ các điều: Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 158.

Điều 2. Bổ sung các chương, mục, điều sau:

1. Bổ sung các điều sau:

Điều 30a. Ban tự quản phạm nhân

1. Tại các phân trại giam, phân trại quản lý phạm nhân trong trại tạm giam được thành lập Ban tự quản phạm nhân đại diện cho tập thể phạm nhân để tham gia giữ gìn trật tự, kỷ cương, vệ sinh, nếp sống văn hóa và đê đạt, kiến nghị các nguyện vọng chính đáng của phạm nhân.

Điều 30b. Đánh giá, xếp loại chấp hành án phạt tù cho phạm nhân

Trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân được xếp loại chấp hành án theo các tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

2. Bộ trưởng Bộ công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết Điều này.

Điều 62a. Xử lý người thi hành án treo vi phạm nghĩa vụ

Người thi hành án phạt tù cho hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Điều 64 Luật này thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm; trường hợp có ý vi phạm từ lần thứ hai trở lên thì Công an cấp xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Điều 62b. Giải quyết trường hợp người thi hành án treo bỏ trốn

Trường hợp người thi hành án treo bỏ trốn thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người thi hành án treo cư trú hoàn thiện hồ sơ, báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh ra quyết định truy nã, tổ chức truy bắt người bỏ trốn và đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Điều 63a. Tiêu chuẩn, trách nhiệm của người được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt tù cho hưởng án treo

1. Người được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt tù cho hưởng án treo là người có tư cách đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có kiến thức, kỹ năng về công tác xã hội; có kiến thức về pháp luật hoặc được đào tạo, tập huấn về pháp luật được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao nhiệm vụ trực tiếp thực hiện việc giám sát, giáo dục.

2. Người được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt tù cho hưởng án treo có trách nhiệm sau:

a) Lập hồ sơ giám sát, giáo dục;

b) Giúp Trưởng Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt tù cho hưởng án treo trong thời gian họ chấp hành thời gian thử thách tại địa bàn quản lý;

c) Nhận xét, đánh giá việc chấp hành nghĩa vụ của người người chấp hành án phạt tù cho hưởng án treo theo định kỳ.

3. Chính phủ quy định chi tiết về trách nhiệm và chế độ hỗ trợ đối với người được giao giám sát, giáo dục đối với người chấp hành án treo.

Điều 65a. Rút ngắn thời gian thử thách đối với người hưởng án treo

1. Người thi hành án phạt tù cho hưởng án treo có thể được rút ngắn thời gian thử thách nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Đã chấp hành ít nhất một phần hai thời gian thử thách;

b) Trong thời gian thử thách có nhiều tiến bộ: thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ của người thi hành án phạt tù cho hưởng án treo; chấp hành đúng chính sách, pháp luật của nhà nước, nội quy, quy chế nơi làm việc; tích cực lao động, học tập và sửa chữa lỗi lầm; thực hiện đầy đủ các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ khác trong bản án.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục có trách nhiệm đề nghị rút ngắn thời gian thử thách bằng văn bản đối với người có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người thi hành án phạt tù cho hưởng án treo có thể được rút ngắn thời gian thử thách nhiều lần, nhưng phải bảo đảm thực tế chấp hành thời gian thử thách là $\frac{3}{4}$ thời gian thử thách.

4. Trường hợp người thi hành án phạt tù cho hưởng án treo dưới 18 tuổi hoặc lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thì Tòa án có thể rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại.

5. Trường hợp người thi hành án phạt tù cho hưởng án treo đã được rút ngắn thời gian thử thách nhưng sau đó vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 64 của Luật này thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo thì thời gian thử thách đã được rút ngắn không được tính để trừ vào thời gian chấp hành án phạt tù còn lại.

Điều 66a. Quyết định rút ngắn thời gian thử thách

1. Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi người thi hành án phạt tù cho hưởng án treo cư trú, làm việc thành lập Hội đồng xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

2. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Hội đồng xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách của Tòa án có thẩm quyền phải tổ chức cuộc họp để xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

3. Trình tự, thủ tục xét rút ngắn thời gian thử thách tiến hành như sau:

Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp khu vực người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú, làm việc thành lập Hội đồng xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách trong thời hạn 07 ngày làm việc, Hội đồng xét, rút ngắn thời gian thử thách của Tòa án có thẩm quyền phải tổ chức cuộc họp để xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách. Trình tự, thủ tục xét rút ngắn thời gian thử thách tiến hành như sau:

- a) Một thành viên của Hội đồng trình bày hồ sơ đề nghị;
- b) Kiểm sát viên trình bày quan điểm của Viện kiểm sát về việc đề nghị xét, rút ngắn thời gian thử thách;
- c) Hội đồng thảo luận và quyết định.

4. Trên cơ sở xem xét hồ sơ và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng quyết định:

- a) Chấp nhận toàn bộ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách.
- b) Chấp nhận một phần đề nghị rút ngắn thời gian thử thách;
- c) Không chấp nhận đề nghị rút ngắn thời gian thử thách và phải nêu rõ lý do không chấp nhận.

Điều 68a. Việc đi lại, vắng mặt của người thi hành án phạt tù cho hưởng án treo

1. Trong thời thử thách, người thi hành án phạt tù cho hưởng án treo có thể được vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời gian thử thách nhưng tổng số thời gian vắng mặt nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị đau, ốm phải điều trị tại các cơ sở y tế theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người thi hành án phạt tù cho hưởng án treo khi đi khỏi địa bàn cư trú trong thời gian 01 ngày phải được sự đồng ý của người được phân công giám sát, giáo dục; từ 03 ngày trở lên phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã và khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú; khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy

ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú về thời gian tạm trú, lưu trú.

3. Người thi hành án phạt tù cho hưởng án treo trong thời gian thử thách không được xuất cảnh và không được cấp giấy tờ có giá trị xuất cảnh.

Điều 74a. Tiêu chuẩn, trách nhiệm của người được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án

1. Người được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án là người có tư cách đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có kiến thức, kỹ năng về công tác xã hội; có kiến thức về pháp luật hoặc được đào tạo, tập huấn về pháp luật được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao nhiệm vụ trực tiếp thực hiện việc giám sát, giáo dục.

2. Người được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án có trách nhiệm sau:

a) Lập hồ sơ giám sát, giáo dục;

b) Giúp Trưởng Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án trong thời gian họ chấp hành thời gian thử thách tại địa bàn quản lý;

c) Nhận xét, đánh giá việc chấp hành nghĩa vụ của người người chấp hành án theo định kỳ.

3. Chính phủ quy định chi tiết về trách nhiệm và chế độ hỗ trợ đối với người được giao giám sát, giáo dục đối với người chấp hành án.

Điều 75a. Giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ không có mặt theo giấy triệu tập của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu

1. Khi triệu tập người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ hoặc người đại diện của người chấp hành là người dưới 18 tuổi đến trụ sở cơ quan thi hành án để làm thủ tục thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật này nhưng quá 07 ngày triệu tập mà người chấp hành không có mặt thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú, đơn vị quân đội nơi người đó làm việc để xác định nguyên nhân không có mặt theo giấy triệu tập.

2. Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ không có mặt ở địa phương mà có lý do chính đáng thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu vẫn

lập hồ sơ thi hành án và bàn giao hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục. Tiếp tục triệu tập người chấp hành án đến trụ sở cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để làm thủ tục thi hành án và gửi các tài liệu cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú, đơn vị quân đội nơi người đó làm việc được giao giám sát, giáo dục để lưu hồ sơ thi hành án.

Trường hợp vắng mặt có lý do chính đáng phải thuộc một trong các trường hợp sau: người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đang phải điều trị tại cơ sở y tế (có văn bản xác nhận của cơ sở y tế); đang khắc phục tình trạng thiên tai, hỏa hoạn (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, đơn vị quân đội nơi người đó làm việc); người chấp hành án đang làm ăn xa chưa về kịp theo thời hạn trong giấy triệu tập (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, đơn vị quân đội nơi người đó làm việc).

3. Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đi khỏi địa phương mà không biết đi đâu thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, đơn vị quân đội nơi người đó làm việc, gia đình người chấp hành án xác minh nơi cư trú của người chấp hành án.

a) Nếu xác minh được người đang chấp hành án đang ở đâu thì yêu cầu người chấp hành án trở về địa phương để thi hành án.

b) Nếu không xác minh được người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đang ở đâu thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản về việc người chấp hành án không có mặt tại nơi cư trú, có xác nhận của chính quyền địa phương, người chứng kiến và thông báo bằng văn bản cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp và cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh biết. Đối với trường hợp này cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu vẫn lập hồ sơ thi hành án nhưng chưa bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, đơn vị quân đội nơi người đó làm việc.

4. Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ có mặt ở địa phương nhưng có tình không chấp hành án theo giấy triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản vi phạm nghĩa vụ chấp hành án và lập hồ sơ thi hành án và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, đơn vị quân đội nơi người đó làm việc được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Điều 75b. Việc đi lại, vắng mặt của người thi hành án

1. Trong thời thử thách, người chấp hành án có thể được vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời gian thử thách nhưng tổng số thời gian vắng mặt nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị đau, ốm phải điều trị tại các cơ sở y tế theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người chấp hành án khi đi khỏi địa bàn cư trú trong thời gian 01 ngày phải được sự đồng ý của người được phân công giám sát, giáo dục; từ 03 ngày trở lên phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã và khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú; khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú về thời gian tạm trú, lưu trú.

3. Người chấp hành án trong thời gian thử thách không được xuất cảnh và không được cấp giấy tờ có giá trị xuất cảnh.

Điều 75c. Giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc

1. Khi người chấp hành án có nguyện vọng thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án hướng dẫn họ làm đơn gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú). Sau khi nhận được đơn của người chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phối hợp với các đơn vị có liên quan để kiểm tra, xác minh nếu thấy việc thay đổi nơi cư trú không ảnh hưởng đến việc thi hành án, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự nơi đến thì giải quyết cho người chấp hành án thay đổi nơi cư trú.

2. Thẩm quyền giải quyết cho thay đổi nơi cư trú đối với người chấp hành án được thực hiện như sau:

a) Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án đến cư trú để giám sát, giáo dục.

b) Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự

Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 73 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

2. Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi làm việc trong phạm vi quân khu thì đơn vị quân đội có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án cho đơn vị quân đội nơi người chấp hành án đến làm việc để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi làm việc ngoài phạm vi quân khu thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp nơi người được hưởng án treo đến làm việc để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 73 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án quân sự khu vực và Viện kiểm sát quân sự khu vực nơi người chấp hành án đến làm việc.

Trường hợp người chấp hành án không tiếp tục làm việc trong quân đội thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 73 của Luật này.

Điều 178a. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ trong thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an trong chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

2. Bổ sung mục 2A. Tha tù trước thời hạn có điều kiện vào Chương III, cụ thể như sau:

MỤC 2A

THA TÙ TRƯỚC THỜI HẠN CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 49a. Thời điểm xét tha tù trước thời hạn có điều kiện

Việc xét tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện mỗi năm 03 đợt, vào thời điểm kết thúc quý I, 6 tháng đầu năm, cuối năm.

Điều 49b. Thi hành Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định tha tù trước thời hạn, trại giam, trại tạm giam, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tổ

chức công bố quyết định của Tòa án về tha tù trước thời hạn có điều kiện cho phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ; cấp Giấy chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện và tha phạm nhân có Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú tiếp nhận, quản lý hồ sơ phạm nhân; lập hồ sơ thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về làm việc tiếp nhận, quản lý hồ sơ phạm nhân; lập hồ sơ thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và giao cho đơn vị quân đội nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về làm việc để tổ chức quản lý, giám sát và giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện do Quân đội quản lý, giám sát giáo dục nhưng sau đó không còn phục vụ trong Quân đội thì Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú tiếp nhận, quản lý hồ sơ phạm nhân; lập hồ sơ thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quản lý, giám sát và giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ thi hành quyết định và người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về trình diện, phân công người trực tiếp quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 49c. Cơ quan quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú, làm việc là cơ quan trực tiếp tổ chức quản lý, giám sát và giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Công an cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn thực

hiện việc quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân, gia đình có trách nhiệm tham gia quản lý, giám sát và giáo dục, giúp đỡ người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 49d. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện;

b) Phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện;

c) Yêu cầu người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

d) Biểu dương người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nhiều tiến bộ hoặc lập công;

d) Giải quyết cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú;

e) Phối hợp với gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện làm việc, học tập trong việc giám sát, giáo dục người đó;

g) Lập hồ sơ để nghị xem xét việc rút ngắn thời gian thử thách gửi cơ quan có thẩm quyền để nghị.

g1) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục để nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành thời gian chấp hành án phạt tù còn lại trong trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có ý vi phạm 02 lần nghĩa vụ quy định tại Điều 49e Luật này.

g2) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh ra quyết định truy nã người được tha tù trước thời hạn có điều kiện bỏ trốn theo quy định tại Điều 49e Luật này.

h) Nhận xét bằng văn bản và lưu vào sổ theo dõi về quá trình chấp hành án của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện khi người đó chuyển đi nơi khác;

i) Thực hiện thống kê, báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả thi hành án;

k) Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định của pháp luật;

l) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định của Luật này.

Điều 49đ. Tiêu chuẩn, trách nhiệm của người được giao quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Người được giao quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện là người có tư cách đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có kiến thức, kỹ năng về công tác xã hội; có kiến thức về pháp luật hoặc được đào tạo, tập huấn về pháp luật được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao nhiệm vụ trực tiếp thực hiện việc quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện..

2. Người được giao quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có trách nhiệm sau:

a) Lập hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục;

b) Giúp Trưởng Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời gian họ chấp hành thời gian thử thách tại địa bàn quản lý;

c) Nhận xét, đánh giá việc chấp hành nghĩa vụ của người người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo định kỳ.

3. Chính phủ quy định chi tiết về trách nhiệm và chế độ hỗ trợ đối với người được giao quản lý, giám sát, giáo dục đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 49e. Nghĩa vụ của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời gian thử thách

1. Sau khi được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải trình diện ngay Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã nơi về cư trú và đăng ký tạm trú, thường trú theo quy định của Luật cư trú.

2. Chịu sự quản lý, giám sát, giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, giám sát, giáo dục, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi cư trú, làm việc và người được phân công quản lý, giám sát, giáo dục.

3. Chấp hành quy định tại các Điều 49g và Điều 49h của Luật này.

4. Phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, giám sát, giáo dục, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

5. Hàng tháng phải báo cáo bằng văn bản với người được phân công quản lý, giám sát, giáo dục về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình.

Điều 49g. Việc đi lại, vắng mặt của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có thể được vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời gian thử thách nhưng tổng số thời gian vắng mặt nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị đau, ốm phải điều trị tại các cơ sở y tế theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện khi đi khỏi địa bàn cư trú trong thời gian 01 ngày phải được sự đồng ý của người được phân công trực tiếp quản lý, giám sát, giáo dục; từ 03 ngày trở lên phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã và khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú; khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú về thời gian tạm trú, lưu trú.

3. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời gian thử thách không được xuất cảnh và không được cấp giấy tờ có giá trị xuất cảnh.

Điều 49h. Giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc

1. Khi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nguyện vọng thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý, giám sát, giáo người được tha tù trước thời hạn có điều kiện hướng dẫn họ làm đơn gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú). Sau khi nhận được đơn của người

được tha tù trước thời hạn có điều kiện, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phối hợp với các đơn vị có liên quan để kiểm tra, xác minh nếu thấy việc thay đổi nơi cư trú không ảnh hưởng đến việc quản lý, giám sát, giáo dục, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự nơi đến thì giải quyết cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thay đổi nơi cư trú.

2. Thẩm quyền giải quyết cho thay đổi nơi cư trú đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện như sau:

a) Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ tha tù trước thời hạn có điều kiện và hồ sơ phạm nhân cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đến cư trú để quản lý, giám sát, giáo dục.

b) Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển giao hồ sơ tha tù trước thời hạn có điều kiện và hồ sơ phạm nhân cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đến cư trú để tổ chức việc quản lý, giám sát, giáo dục và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

2. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thay đổi nơi làm việc trong phạm vi quân khu thì đơn vị quân đội có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ tha tù trước thời hạn có điều kiện và hồ sơ phạm nhân cho đơn vị quân đội nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đến làm việc để quản lý, giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thay đổi nơi làm việc ngoài phạm vi quân khu thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm làm thủ tục chuyển giao hồ sơ tha tù trước thời hạn có điều kiện và hồ sơ phạm nhân cho cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đến làm việc để tổ chức việc quản lý, giám sát, giáo dục và thông báo bằng văn bản cho Tòa án quân sự khu vực và Viện kiểm sát quân sự khu vực nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đến làm việc.

Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không tiếp tục làm việc trong quân đội thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu làm thủ tục chuyển giao hồ sơ tha tù trước thời hạn có điều kiện và hồ sơ phạm

nhân cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo cư trú để tổ chức việc quản lý, giám sát, giáo dục.

Điều 49i. Việc lao động, học tập của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện nếu được tiếp tục làm việc tại cơ quan, tổ chức thì được bố trí công việc đảm yêu cầu quản lý, giám sát, giáo dục, được hưởng tiền lương và chế độ khác phù hợp với công việc mà mình đảm nhiệm, được tính vào thời gian công tác theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian thử thách, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện để người đó tìm việc làm.

3. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận học tập thì được hưởng quyền lợi theo quy chế của cơ sở đó.

4. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thuộc đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, người đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì vẫn được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 49k. Xử lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 49t của Luật này thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm; trường hợp có ý vi phạm lần thứ 2 trở lên thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm và tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục để nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

2. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần trở lên thì Công an cấp xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục để nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 49l. Rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có thể được rút ngắn thời gian thử thách nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Đã chấp hành ít nhất một phần hai thời gian thử thách;

b) Trong thời gian thử thách có nhiều tiến bộ: thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; chấp hành đúng chính sách, pháp luật của nhà nước, nội quy, quy chế nơi làm việc; tích cực lao động, học tập và sửa chữa lỗi lầm; thực hiện đầy đủ các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ khác trong bản án.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, giám sát và giáo dục có trách nhiệm đề nghị rút ngắn thời gian thử thách bằng văn bản đối với người có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc xét rút ngắn thời gian thử thách được thực hiện mỗi năm 3 đợt, vào thời điểm kết thúc quý I, 6 tháng đầu năm, cuối năm. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện mỗi năm chỉ được rút ngắn thời gian thử thách 01 lần từ 01 tháng đến 01 năm. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có thể được rút ngắn thời gian thử thách nhiều lần, nhưng phải bảo đảm thực tế chấp hành thời gian thử thách là $\frac{3}{4}$ thời gian thử thách.

4. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện dưới 18 tuổi hoặc lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thì Tòa án có thể rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại.

Điều 49m. Thủ tục rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Khi người được tha tù trước thời hạn có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 66 Bộ luật Hình sự năm 2015, Trưởng Công an cấp xã nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ, có văn bản đề nghị Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện báo cáo Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh xem xét, có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Thủ trưởng đơn vị quân đội cấp Trung đoàn hoặc tương đương được giao quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tổ chức cuộc họp để lập hồ sơ và đề nghị Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện làm việc xem xét, đề nghị rút ngắn thời gian thử thách. Thành phần gồm Thủ trưởng đơn vị, Chính ủy hoặc Chính trị viên và người được phân công trực tiếp quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tổ chức cuộc họp dưới sự chủ trì của Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự với thành phần tham gia gồm: Đội trưởng Đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, đại diện: Đội Tham mưu, Đội Quản lý hành chính về trật tự xã

hội, cơ quan lập hồ sơ đề nghị và có văn bản đề nghị Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh xét, đề nghị rút ngắn thời gian thử thách.

Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đơn vị quân đội được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tổ chức cuộc họp để xét, đề nghị rút ngắn thời gian thử thách cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện và có văn bản đề nghị, chuyển hồ sơ cho Tòa án quân sự cấp quân khu xem xét, quyết định, đồng thời chuyển cho Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án để thực hiện chức năng kiểm sát theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thành lập và tổ chức họp Hội đồng xét, đề nghị rút ngắn thời gian thử thách cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện và có văn bản đề nghị, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, đồng thời chuyển cho Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án để thực hiện chức năng kiểm sát theo quy định của pháp luật.

4. Khi thực hiện chức năng kiểm sát việc rút ngắn thời gian thử thách cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, Viện kiểm sát có thẩm quyền phát hiện người được tha tù trước thời hạn đủ điều kiện rút ngắn thời gian thử thách nhưng không được cơ quan có thẩm quyền đề nghị thì yêu cầu cơ quan đó lập hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách cho họ.

Điều 49n. Quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú, làm việc thành lập Hội đồng xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

2. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Hội đồng xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách của Tòa án có thẩm quyền phải tổ chức cuộc họp để xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

3. Trình tự, thủ tục xét rút ngắn thời gian thử thách tiến hành như sau:

Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú, làm việc thành lập Hội đồng xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách trong thời hạn 07 ngày làm việc, Hội đồng xét, rút ngắn thời gian thử thách của

Tòa án có thẩm quyền phải tổ chức cuộc họp để xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách. Trình tự, thủ tục xét rút ngắn thời gian thử thách tiến hành như sau:

- a) Một thành viên của Hội đồng trình bày hồ sơ đề nghị;
 - b) Kiểm sát viên trình bày quan điểm của Viện kiểm sát về việc đề nghị xét, rút ngắn thời gian thử thách;
 - c) Hội đồng thảo luận và quyết định.
4. Trên cơ sở xem xét hồ sơ và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng quyết định:
- a) Chấp nhận toàn bộ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách.
 - b) Chấp nhận một phần đề nghị rút ngắn thời gian thử thách;
 - c) Không chấp nhận đề nghị rút ngắn thời gian thử thách và phải nêu rõ lý do không chấp nhận.

Điều 49o. Giải quyết trường hợp phạm nhân đã được đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện mà vi phạm trước khi có quyết định tha tù trước thời hạn của Tòa án

1. Trường hợp phạm nhân đã được đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện mà vi phạm Nội quy trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ hoặc có hành vi vi phạm pháp luật trước khi có quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án, thì cơ quan đã đề nghị, phối hợp với Viện kiểm sát, Tòa án xem xét để loại phạm nhân ra khỏi danh sách đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện.

2. Trường hợp phạm nhân đã có quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án nhưng chưa công bố mà vi phạm Nội quy trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ hoặc có hành vi vi phạm pháp luật thì cơ quan đã đề nghị, phối hợp với Viện kiểm sát, Tòa án xem xét để hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 49p. Hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ gồm:

a) Văn bản đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, báo cáo tổng hợp kết quả chấp hành các quy định về tha tù trước thời hạn có điều kiện của cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện, đơn vị quân đội được giao quản lý.

b) Bản nhận xét, đề nghị của người được phân công quản lý, giám sát và giáo dục.

c) Bản sao Bản án, bản sao Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

d) Tài liệu khác có liên quan: Quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can (đối với trường hợp phạm tội mới), biên bản vi phạm nghĩa vụ hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính (đối với người vi phạm nghĩa vụ hoặc vi phạm hành chính).

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền xem xét quyết định hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện theo quy định tại Điều 368 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định của Tòa án hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền quyết định đưa người bị hủy quyết định tha tù bị đưa đến cơ sở giam giữ để tiếp tục chấp hành phần thời hạn tù còn lại

Điều 49q. Thực hiện việc kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

Trong thời gian thử thách, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm lần đầu nghĩa vụ quy định tại Điều 49e của Luật này hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính 01 lần thì Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý, giám sát, giáo dục phải phối hợp với cơ quan, tổ chức, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cơ sở tổ chức họp tại cộng đồng dân cư nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú, làm việc để kiểm điểm người đó; trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đang làm việc tại đơn vị quân đội thì việc kiểm điểm được thực hiện tại đơn vị quân đội nơi người đó làm việc.

Việc kiểm điểm phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ thi hành án phạt tha tù trước thời hạn có điều kiện và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

Điều 49r. Bổ sung hồ sơ thi hành tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có trách nhiệm bổ sung hồ sơ thi hành án các tài liệu sau:

a) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện;

b) Bản nhận xét của người trực tiếp được giao giám sát, giáo dục về việc chấp hành nghĩa vụ của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện;

c) Bản tự nhận xét của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ chấp hành pháp luật; trường hợp người được hưởng án treo bị kiểm điểm theo quy định tại Điều 49q Luật này thì phải có bản kiểm điểm và biên bản cuộc họp kiểm điểm;

d) Trường hợp được rút ngắn thời gian thử thách thì phải có quyết định của Toà án;

đ) Tài liệu khác có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện bàn giao hồ sơ thi hành tha tù trước thời hạn có điều kiện cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu. Việc giao nhận hồ sơ được lập thành biên bản và lưu hồ sơ thi hành tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 49s. Trách nhiệm của gia đình người được tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Gia đình người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; thông báo kết quả chấp hành các nghĩa vụ của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện với Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục khi có yêu cầu.

2. Phải có mặt tại cuộc họp kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục.

3. Bổ sung Chương Xa. Thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội như sau:

CHƯƠNG Xa THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

Mục I

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

Điều 140a. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh

1. Tiếp nhận hồ sơ, bản án, quyết định thi hành án của Tòa án, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại tổ chức thi hành quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Lập hồ sơ theo dõi việc chấp hành án của pháp nhân thương mại.

3. Đăng tải ngay Quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thi hành án.

4. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và các cơ quan khác có liên quan giám sát việc chấp hành án của pháp nhân thương mại.

5. Nhận xét và lưu vào sổ theo dõi về thời gian chấp hành án của pháp nhân thương mại.

6. Thực hiện thống kê, báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả thi hành án theo định kỳ 6 tháng, năm;

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án theo quy định của Luật này.

Điều 140b. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại

1. Phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thi hành quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn thuộc chức năng của mình theo quy định của pháp luật để thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

3. Đăng tải ngay Quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực hoạt động của pháp nhân.

4. Yêu cầu pháp nhân thương mại chấp hành án phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình.

5. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và các cơ quan khác có liên quan giám sát việc chấp hành án của pháp nhân thương mại.

6. Lập hồ sơ theo dõi việc chấp hành án của pháp nhân thương mại.

7. Thông báo, sao gửi các Quyết định cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh về tình hình, kết quả chấp hành án và việc thực hiện các nghĩa vụ liên quan khác của pháp nhân thương mại.

8. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực hoạt động của pháp nhân thương mại trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Mục 2

ĐỊNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CÓ THỜI HẠN

Điều 140c. Quyết định thi hành án phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn

1. Quyết định thi hành án phải ghi rõ họ tên người ra quyết định; bản án, quyết định được thi hành; tên cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có nhiệm vụ thi hành; tên, mã số thuế doanh nghiệp, địa chỉ, họ tên người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại; thời hạn đình chỉ; lĩnh vực bị đình chỉ; hình phạt bổ sung (nếu có).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Tòa án phải gửi quyết định thi hành án cho:

- a) Pháp nhân thương mại phải chấp hành án;
- b) Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải chấp hành án;
- c) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại;
- d) Sở tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở.

Điều 140d. Thi hành quyết định thi hành án phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có nhiệm vụ triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại đến trụ sở cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để thông báo Quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại phải chấp hành án phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn; lập hồ sơ thi hành án. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản án đã có hiệu lực pháp luật;
- b) Quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại;
- c) Tài liệu khác có liên quan đối với pháp nhân thương mại.

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 140b Luật này.

Điều 140đ. Nghĩa vụ của pháp nhân thương mại chấp hành án đình chỉ hoạt động có thời hạn

1. Phải chấp hành nghiêm chỉnh bản án; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn; chấp hành đầy đủ các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.

2. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt theo yêu cầu của cơ quan thi hành án.

Điều 140e. Kết thúc thi hành án đình chỉ hoạt động có thời hạn

1. Trong thời hạn 07 ngày trước khi hết hạn chấp hành án đình chỉ hoạt động có thời hạn, cơ quan thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại thông báo cơ quan quản lý thi hành án hình sự và các cơ quan có liên quan trong việc chấp hành án của pháp nhân thương mại chấp hành án đình chỉ hoạt động có thời hạn và pháp nhân thương mại chấp hành án đình chỉ hoạt động có thời hạn. Nội dung thông báo gồm kết quả chấp hành án, hình phạt bổ sung mà pháp nhân thương mại còn phải chấp hành và thông tin cần thiết khác có liên quan để xem xét, khôi phục lại hoạt động của pháp nhân thương mại chấp hành án.

2. Vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại hoàn chỉnh thủ tục theo quy định của pháp luật để ra quyết định chấp hành xong án đình chỉ hoạt động có thời hạn cho pháp nhân thương mại.

3. Việc giải quyết các vấn đề có liên quan để pháp nhân thương mại chấp hành xong án đình chỉ hoạt động có thời hạn tiếp tục hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh, thương mại và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Mục 3

ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG VĨNH VIỄN

Điều 140g. Quyết định thi hành án phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn

1. Quyết định thi hành án phải ghi rõ họ tên người ra quyết định; bản án, quyết định được thi hành; tên cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có nhiệm vụ thi hành; tên, mã số thuế doanh nghiệp, địa chỉ, họ tên người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại; lĩnh vực bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; hình phạt bổ sung.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Tòa án phải gửi quyết định thi hành án cho:

a) Pháp nhân thương mại phải chấp hành án;

- b) Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải chấp hành án;
- b) Viện kiểm sát cùng cấp;
- c) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại;
- d) Sở tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở.

Điều 140h. Thi hành quyết định thi hành án phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có nhiệm vụ triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại đến trụ sở cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để thông báo Quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại phải chấp hành án phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; lập hồ sơ thi hành án. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản án đã có hiệu lực pháp luật;
 - b) Quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại;
 - c) Tài liệu khác có liên quan đối với pháp nhân thương mại.
2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 140b Luật này.

Điều 140i. Nghĩa vụ của pháp nhân chấp hành án phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn

1. Nghĩa vụ của pháp nhân thương mại chấp hành án phạt đình chỉ hoạt động một hoặc một số lĩnh vực vĩnh viễn:
- a) Phải chấp hành nghiêm chỉnh bản án; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành khi bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; chấp hành đầy đủ các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.
 - b) Người đại diện phải có mặt theo yêu cầu của cơ quan thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Nghĩa vụ của pháp nhân thương mại chấp hành án phạt đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động phải chấp hành nghiêm chỉnh bản án; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành khi bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động; chấp hành đầy đủ các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.

Mục 4

CẨM KINH DOANH, CẨM HOẠT ĐỘNG TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC NHẤT ĐỊNH

Điều 140k. Quyết định thi hành án phạt cẩm kinh doanh, cẩm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định

1. Quyết định thi hành án phải ghi rõ họ tên người ra quyết định; bản án, quyết định được thi hành; tên cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có nhiệm vụ thi hành; tên, mã số thuế doanh nghiệp, địa chỉ, họ tên người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại; thời gian cẩm kinh doanh, cẩm hoạt động trong lĩnh vực mà bản án tuyên; hình phạt bổ sung.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Tòa án phải gửi quyết định thi hành án cho:

- Pháp nhân thương mại phải chấp hành án;
- Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải chấp hành án;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại;
- Sở tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở.

Điều 140l. Thi hành quyết định thi hành án phạt cẩm kinh doanh, cẩm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có nhiệm vụ triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại đến trụ sở cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để thông báo Quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại phải chấp hành án phạt cẩm kinh doanh, cẩm hoạt động trong một số lĩnh vực được quyết định trong bản án và lập hồ sơ thi hành án. Hồ sơ bao gồm:

- Bản án đã có hiệu lực pháp luật;
- Quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại;
- Tài liệu khác có liên quan đối với pháp nhân thương mại;

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 140b Luật này.

Điều 140m. Nghĩa vụ của pháp nhân thi hành án phạt cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định

Trong thời gian bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong những lĩnh vực nhất định, pháp nhân thương mại phải chấp hành án có các nghĩa vụ sau đây:

1. Phải chấp hành nghiêm chỉnh bản án; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành khi bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; chấp hành đầy đủ các hành phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.

2. Báo cáo về lĩnh vực bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong những lĩnh vực nhất định cho cơ quan, tổ chức có liên quan biết;

3. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt theo yêu cầu của cơ quan được giao giám sát việc chấp hành án cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.

Mục 5

CẤM HUY ĐỘNG VỐN

Điều 140n. Quyết định thi hành án phạt cấm huy động vốn

1. Quyết định thi hành án phải ghi rõ họ tên người ra quyết định; bản án, quyết định được thi hành; tên cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có nhiệm vụ thi hành; tên, mã số thuế doanh nghiệp, địa chỉ, họ tên người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại; thời gian cấm huy động vốn.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Tòa án phải gửi quyết định thi hành án cho:

a) Pháp nhân thương mại phải chấp hành án;

b) Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải chấp hành án;

b) Viện kiểm sát cùng cấp;

c) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại;

d) Sở tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở.

Điều 140o. Thi hành quyết định thi hành án phạt cấm huy động vốn

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với nhân thương mại có nhiệm vụ triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại đến trụ sở cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để thông báo Quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại phải chấp hành án phạt cầm huy động vốn được quyết định trong bản án và lập hồ sơ thi hành án. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản án đã có hiệu lực pháp luật;
- b) Quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại;
- c) Tài liệu khác có liên quan đối với pháp nhân thương mại;

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 140b Luật này.

Điều 140p. Nghĩa vụ của pháp nhân thi hành án phạt cầm huy động vốn

Trong thời gian bị cầm huy động vốn, pháp nhân thương mại phải chấp hành án có các nghĩa vụ sau đây:

- 1. Phải chấp hành nghiêm chỉnh bản án; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành khi bị cầm huy động vốn; chấp hành đầy đủ các hành phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.
- 2. Báo cáo về việc chấp hành án phạt cầm huy động vốn cho cơ quan, tổ chức có liên quan biết;
- 3. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt theo yêu cầu của cơ quan được giao giám sát việc chấp hành án cầm huy động vốn.

MỤC 6

THI HÀNH CÁC BIỆN PHÁP TƯ PHÁP ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI PHẠM TỘI

Điều 140q. Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp

1. Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp phải ghi rõ họ tên người ra quyết định; tên cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có nhiệm vụ thi hành; tên, mã số thuế doanh nghiệp, địa chỉ, họ tên người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại; thời hạn thi hành; nội dung biện pháp tư pháp phải thi hành.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, Tòa án phải gửi quyết định áp dụng biện pháp tư pháp cho:

- a) Pháp nhân thương mại phải chấp hành biện pháp tư pháp;
- b) Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải chấp hành biện pháp tư pháp;
- b) Viện kiểm sát cùng cấp;
- c) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại;
- d) Sở tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định.

Điều 140r. Cơ quan được giao nhiệm vụ thi hành quyết định áp dụng biện pháp tư pháp

1. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.
2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại trong chúc năng, nhiệm vụ được phân công có nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp tư pháp.

Điều 140s. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong thi hành quyết định áp dụng biện pháp tư pháp

1. Tiếp nhận hồ sơ, bản án, quyết định áp dụng biện pháp tư pháp của Tòa án, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại và thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7 Điều 140a Luật này.

2. Trực tiếp tổ chức, thi hành quyết định áp dụng các biện pháp tư pháp quy định tại Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với pháp nhân thương mại.

Điều 140t. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại

1. Phối hợp với Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại và thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 140b Luật này.

2. Trực tiếp tổ chức thi hành quyết định áp dụng các biện pháp tư pháp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 82 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với pháp nhân thương mại.

3. Trực tiếp ra quyết định và tổ chức thực hiện biện pháp cưỡng chế để thi hành biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại.

Điều 140u. Thi hành Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp quy định tại Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp quy định tại Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có nhiệm vụ triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại đến trụ sở cơ quan thi hành án hình sự công an cấp tỉnh để thông báo Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại và yêu cầu pháp nhân thương mại chấp hành biện pháp tư pháp.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải lập hồ sơ thi hành biện pháp tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản án đã có hiệu lực pháp luật;
- b) Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp;
- c) Tài liệu thể hiện kết quả chấp hành biện pháp tư pháp của pháp nhân thương mại;
- d) Tài liệu khác có liên quan.

3. Trường hợp pháp nhân thương mại không chấp hành nghiêm chỉnh Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh ra quyết định cưỡng chế và phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế. Việc ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế được thực hiện theo quy định của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

Điều 140v. Thi hành Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với pháp nhân thương mại, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại chủ trì, phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại đến trụ sở cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại để thông báo Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại và yêu cầu pháp nhân thương mại chấp hành biện pháp tư pháp.

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải lập hồ sơ thi hành biện pháp tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản án đã có hiệu lực pháp luật;
- b) Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp;
- c) Tài liệu thể hiện kết quả chấp hành biện pháp tư pháp của pháp nhân thương mại;

d) Tài liệu khác có liên quan.

3. Trường hợp pháp nhân thương mại không chấp hành nghiêm chỉnh Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp thì cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại ra quyết định cưỡng chế và phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế. Việc ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế được thực hiện theo quy định của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

Điều 140x. Nghĩa vụ của pháp nhân thương mại chấp hành biện pháp tư pháp

1. Chấp hành nghiêm chỉnh Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp.
2. Báo cáo cơ quan được giao nhiệm vụ thi hành quyết định áp dụng biện pháp tư pháp về kết quả chấp hành biện pháp tư pháp.
3. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt theo yêu cầu của cơ quan được giao nhiệm vụ thi hành biện pháp tư pháp.

Điều 3. Thay thế một số cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Luật Thi hành án hình sự số 53/2010/QH12

1. Thay cụm từ “người chưa thành niên” thành cụm từ “người dưới 18 tuổi” tại khoản 14 Điều 3, khoản 5 Điều 4, điểm b khoản 2 Điều 27, điểm c khoản 1 Điều 38, tên gọi mục 3 Chương 3, Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, khoản 1 Điều 62, khoản 2 Điều 70, điểm b khoản 1 Điều 110, khoản 1 Điều 111, tên gọi mục 4 Chương 10, Điều 124, khoản 1 Điều 125, khoản 2 Điều 171, khoản 2 Điều 172.

2. Thay cụm từ “Cảnh sát hỗ trợ tư pháp” bằng cụm từ “Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp” tại khoản 4 Điều 24, tại Điều 41, khoản 3 Điều 58.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2018

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá..., kỳ họp thông qua ngày tháng năm 2018.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân